

LỊCH SỬ VĂN HÓA VẬT CHẤT THỜI TIỀN SỬ ĐÔNG NAM Á – MỘT THỂ KỸ ĐIỀN DÃ VÀ LIÊN HIỆP NGHIÊN CỨU

Phạm Đức Mạnh

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

1. NHẬN THỨC LIÊN NGÀNH VỀ MỘT THỰC THỂ ĐỊA – VĂN HÓA RIÊNG BIỆT

Trước đây, vùng đất này vô danh. Trong các cặp mắt lữ hành của nhà thám hiểm, linh mục truyền đạo, các nhà tự nhiên học và quan chức “*tiền trạm*” thực dân Phương Tây, vùng thiên nhiên mơ hồ như “*viễn địa- viễn đảo*” này được hiểu như là vùng đất bán lục địa và hải đảo nằm trong địa vực rộng lớn hơn nhiều lần, có khi chung cùng bán đảo Ấn, hoặc gộp cả Cực Đông và Cực Nam Châu Á để mang chung danh: Viễn Đông (Extrême-Orient; Far East),...; có khi lại gồm nhiều khu vực hẹp hơn: Đông Dương, Nam Dương ..., và cùng với Nam Á (đồng bằng Ấn Hằng, bán đảo Indostan, Srilanka) hợp thành 1/10 miền địa lý tự nhiên (cấp Á lục địa) của cả liên lục địa Á-Âu. Từ cuối thế kỷ 19, khi được các học giả Áo đặt tên riêng “*Sudost Asien*”, miền đất-đảo này phân ranh với Đông Bắc Á và Tây Nam Á như một thực thể Địa-Sinh thái riêng biệt nằm giữa chí tuyến Bắc và xích đạo, mang chất bán đảo và điều kiện hoàn lưu gió mùa. Đây là bộ phận cực nam của tầng nền Châu Á, với chất nền lục địa cổ nhất Paleozoi, từ vận động tạo sơn Himalaya cuối cùng tuổi Creta thuộc kiểu Thái Bình Dương, dẫn đến sự hình thành tầng nền Đông Dương – cốt lõi của Đông Nam Á lục địa. Hiện còn dấu vết vùng rìa ở dãy Cardamones (Campuchia) và Nam Trường Sơn, với các tích tụ sa thạch dày ở cao nguyên Khorat và các tích tụ ngoại vi miền Tây Thái Lan. Vận động tạo sơn tuổi Trung Sinh hình thành thêm Sunda tồn tại đến cuối Pleistocene muộn và bị nước biển nhấn chìm tới 2/5 diện tích do gián băng cuối cùng khoảng 20.000 năm trước, tách rời các đảo lớn Borneo, Sumatra, Java và hàng ngàn đảo nhỏ, và ngắt đứt “*vành đai núi lửa*” từ Pegou Yoma (Myanmar) qua Java – Sulawesi – Philippine. Với điều kiện địa hình cơ bản gồm các sơn khối thành tạo Trung Sinh và Tân Sinh chi phối các dòng chảy lớn Mekong, Irrawadi, Salween, Chao Phraya... hướng biển phía Nam và Đông Nam, các cao nguyên và châu thổ nội địa “*màu mỡ bậc nhất thế giới*”, cùng “*cõi thiên đường cuối cùng trên trần gian*” với nghìn đảo nhỏ. Nhiều học giả vẫn coi biển Đông như ranh giới tự nhiên phân cách 2 thế giới đất liền và hải đảo Đông Nam Á; Trong đó, Đông Nam Á lục địa chiếm gần nửa diện tích Khu vực (khoảng 1.800.000km²) thường được các nhà địa lý tự nhiên – nhân văn phân ranh từ bán đảo Malacca tính từ eo Kra trở lên. Đông Nam Á hải đảo là chuỗi đảo lớn giáp Malacca như Sumatra, Java, Borneo rồi vòng qua phía Đông và hướng Bắc tới Sulawesi, quần đảo Molucca, lên Philippines với 7.000 hòn đảo như “*chùm chìa khóa mở vào Biển Đông*”[44], với đường Wallace (hoặc Huxley) phân ranh 2 quần động vật Châu Á và Châu Úc, gần như tương ứng với 2 vùng khí hậu nhiệt đới (Đông Nam Á lục địa, Bắc và Trung Philippines, Nam Sulawesi,

Đông Java, các tiểu đảo Sunda) và xích đạo (bán đảo Malacca, Sumatra, Tây Java, Borneo, Bắc Sulawesi, một phần Nam Mindanao), cùng 2 thảm rừng nhiệt đới rụng lá (deciduous tropical forest) và rừng mưa xích đạo (equatorial rain forest) [3: 1985]. Đương nhiên, lãnh thổ chung rộng 4.476.000km² mang tầm cỡ một tiểu lục địa này chắn ngang 2 châu lục (Á – Uc) và 2 đại dương (Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương) mang nhiều đặc điểm chung về kiến tạo (khối trung tâm và miền uốn nếp Trung Sinh – Tân Sinh theo Bocdanov và Pusrovsky). Về khí hậu (“*chiếc áo choàng chung*” của miền xích đạo – Á xích đạo, hay nhiệt đới nóng ẩm theo Alisov phân biệt với Bắc Á khí hậu lạnh và Nam Á khí hậu thường xuyên khô, với lượng mưa trung bình trên 1000mm/năm). Về thổ nhưỡng (vùng địa hóa theo Gladovskaya), về thế giới động vật – thực vật Á miền Ấn Độ – Mã Lai thuộc miền cỏ nhiệt đới (theo Aliukhin), với thảm rừng phủ hơn 60% diện tích, chiếm phân nửa rừng giá trị Châu Á (không tính Siberia) và vượt xa Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Đại Dương, với nhiều ngàn giống loài (tới 35000 loài cây có hoa), cùng các nguồn tài nguyên phong phú, đặc biệt như thiếc, sắt, quặng laterite chứa kền, nhôm, mangan, nickel, crom, kẽm, chì, vàng, hồng ngọc, dầu mỏ...mà, theo nhiều địa lý gia phương Tây (J.Barren, L.Bernot, I.Caive, S.Rursles, Delvert, G.Condominas), “*không một nơi nào trên thế giới mà thiên nhiên lại giàu có và đa dạng đến thế*” [32]. Tính thống nhất của thực thể Địa – Văn hoá Đông Nam Á được định tính ngay từ thời băng hà Đệ Tứ Kỷ, lúc các cầu lục địa rộng lớn thiết lập trên biển Đông khi hải thoái trong thế Pleistocène được xem như là các “*Cầu nối*” tạo điều kiện giao lưu thiết yếu các luồng di cư động vật – thực vật và cả những bầy người nguyên thủy từ các dãy núi và các dòng chảy chuyển theo hướng Kinh tuyến – Á Kinh tuyến từ Nam Trung Quốc – bắc Việt Nam và tây Miến Điện – bắc Thái Lan trong diễn trình “Chinh phục Thái Bình Dương” qua Mã Lai, Philippines, xuống Sumatra, Java, Timor... và ngược lại. Rồi, khi những cái “*cầu Sunda*” bị đứt đi lúc biển dâng trong thế Holocène, thì con người vẫn tiếp tục tiến trình này nhờ tiến bộ kỹ thuật, và họ “*lại có thể vượt biển với những thuyền bè của mình*” [25: 1985]; Và cứ thế, quan hệ giao lưu văn hóa – tín ngưỡng, chuyển giao kỹ thuật, lan truyền những cảm hứng về nghệ thuật lại được họ tiếp tục và tăng cường suốt thời tiền sử – sơ sử từ trình độ hàng hải nguyên thủy đến văn minh. Theo đó, quan hệ văn hóa từ tiền sử giới hạn trong tiểu vực (theo giáo sư Mỹ W.Solheim II), Đông Nam Á lục địa được tính từ vĩ tuyến 30 phía Bắc lên tới dãy Tản Lĩnh hoặc sông Dương Tử xuống đến Singapore và Đông Nam Á hải đảo tính từ Đài Loan thậm chí cả quần đảo Okinawa (Nhật Bản) qua quần đảo Andaman, Nicoba. Về phía tây, đến tận Atsam (miền Đông Ấn Độ) có thể tính cả một bộ phận tây New Zealand.

Nhưng tính thống nhất của khu vực này phải được đặt trong khung cảnh Châu lục mới hiểu rõ chất “*Ngã Ba Đường*” (*Carrefour*) của các tộc người, văn minh và nghệ thuật bản xứ [24; 34: 1961]. Về mặt lịch sử – văn hóa được minh định như một “*Chinh thể trong đa dạng*” (*Unité dans*

la diversité) [56: 1978], mà dù có quan hệ lâu đời và sâu nặng với những “*Cái nôi văn minh*” cổ kính và danh giá bậc nhất nhân loại ở Thung lũng Ấn Hằng và Trung lưu Hoàng Hà thì vẫn là một Đông Nam Á nổi nét “*phi Ấn – phi Hoa*”. Đó là hợp thể văn hóa – văn minh miền núi-trung du-đồng bằng-hải đảo “*thống nhất trong đa dạng*”. Với giới hạn riêng từ bắc (từ chân mạch Nam dải Tần Lĩnh Nam Trường Giang) xuống nam (gồm cả bình nguyên Giang Hán, Giang Hoài) và tây (gồm cả Atsam ở bán đảo Đông An), Đông Nam Á là cương vực phân bố và sáng tạo văn hóa của những cộng đồng người bản địa nói các ngữ hệ lớn nhất và có quan hệ nguồn gốc ngữ tộc Austric với nhau như Nam Á (Austroasiatic) – Mon-Khmer, Việt Mường; Tày – Thái, Lào Mao, Tạng-Miến và Nam Đảo (Austronesian). Đó là một Đông Nam Á “*phi Ấn*” dù đã đón nhận và lĩnh hội những làn sóng văn hóa tôn giáo Ấn Độ dội đến từ Tây Phương Thiên Trúc ưa suy luận trừu tượng, hướng nội, coi trọng tính phổ quát và khoa học nhân văn nặng màu sắc tâm linh. Đó cũng là một Đông Nam Á “*phi Hoa*” từ triết lý thực dụng và phương pháp trực quan cụ thể đến hệ thống quan niệm Nho giáo “*tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*” từng theo chân các đoàn quân xâm lược chinh phục nhiều dân tộc gieo rắc hiểm họa đồng hóa về chính trị, văn hóa, nghệ thuật, tôn giáo suốt trong trường kỳ lịch sử [48]. Đó là hợp thể văn hóa – văn minh miền núi – trung du, đồng bằng và hải đảo “*thống nhất trong đa dạng*”, với quá trình đan xen giao lưu tiếp biến hội tụ nhiều tuyến, nhiều chiều, nhiều phong cách của các “*Nam Quốc sơn hà*” suốt chiều dài lịch sử từ khi con người bắt đầu lao động đến lúc biết “*nhập hòa và biến đổi thiên nhiên*”. Với phát minh nông nghiệp, bắt đầu trồng trọt chăn nuôi, chiếm lĩnh đồng bằng và hải đảo, hình thành các dân tộc và sáng tạo văn hóa bản địa, xây đắp truyền thống, Đông Nam Á đã tạo dựng bản sắc và bản lĩnh hội nhập phát sáng của riêng mình, khác Ấn và khác Hoa.

Đó là hợp thể các “*hồn nước*” mang những “*hằng số*” (*constances*) của riêng mình giữa lửa (nương rẫy, hỏa thiêu) và nước (ruộng nước, thủy lộ); giữa đất liền (núi cao, chân núi, thung lũng trung du), đồng bằng (châu thổ dọc sông và cửa bể) và hải đảo; giữa thuần dưỡng bò trâu, voi, ngựa làm gia súc trên thảo nguyên với đánh bắt cá từ hải thuyền trên sông biển; giữa Cự thạch về văn hóa và tư tưởng (Megalithisme) cùng những tổng thể đại công trình kiến trúc đền núi-tháp tượng, trình độ vô song kiểu Angkor, Vátphu, Pagan, Champa, Dhvaravati, Srivijaya, Majapahit..., bên những tiểu công trình kiểu nhà rông, đình làng, trống đồng...; và các bản sắc văn hóa riêng về ẩm thực và chôn ở, y phục và trang sức... “*phi Ấn – phi Hoa*” (đắp thành đất, rào lũy tre, chẵn gỗ, đi thuyền khác với táng thức trong quan tài hình thuyền, ăn tương và nước mắm; mặc váy áo bằng vỏ cây, toi lá, da thú, lông chim khác với đóng khố ở trần; để răng trắng và nhuộm răng đen khác với tết tóc, xõa tóc hay búi tóc, mang ngọc trai, ngọc bích hay hồng ngọc...) [56: 1978].

2. THÀNH TỰU KHẢO CỨU VÀ NHẬN THỨC CHUYÊN NGÀNH VỀ VĂN HÓA VẬT CHẤT THỜI TIỀN SỬ – SƠ SỬ TRÊN ĐẤT LIỀN VÀ HẢI ĐẢO ĐÔNG NAM Á

Lịch sử nghiên cứu văn hóa nguyên thủy Đông Nam Á mạnh mẽ từ đầu thế kỷ 18, khi những riu đồng khám phá ở Celebes, nhóm đảo Meluccas, Java và các trống đồng Pedjeng, Bali tàng trữ ở Bảo tàng Leiden được G.E.Rumphius miêu tả từ 1705. Nhưng các công cuộc điền dã lớn chỉ được chú ý từ nửa cuối thế kỷ 19 – đầu thế kỷ 20, khi phần lớn Đông Nam Á thành thuộc địa đế quốc và xuất hiện những tổ chức khoa học Phương Tây đầu tiên chỉ đạo các chương trình khảo cứu; Ví như, Hội nghiên cứu địa chất và Phái đoàn Khảo cổ học (KCH) Đông Dương – tiền thân của Trường Viễn Đông bác cổ (Ecole Francaise d'Extrême-Orient - EFEO) của Pháp (1898-1899), Ủy ban KCH (Oudheidkundige Commissie) thành lập 1901 và đổi thành Sở KCH (Oudheidkundige Dienst) năm 1913 ở Indonesia của Hà Lan, Bảo tàng Raffles và Ngành Mã Lai của Hội hoàng gia Châu Á (Malayan Branch of Royal Asiatic Society); hay Hội Siêm học (Siam Society) ở Thái Lan.v.v... Những công bố phát hiện di vật văn hóa tiền sử – sơ sử xuất hiện ngày càng nhiều ở Indonesia, Mã Lai, Miến Điện, Campuchia và Việt Nam. Những cuộc khai quật thời này thường ở trình độ thấp, thực thi đơn lẻ ở từng nước, nhưng thu hoạch lại rất ấn tượng. Chẳng hạn cuộc khai quật cồn sò Gua Kepah; các di tích hang động vùng Perak – Ipoh ở Mã Lai; ở Cù Lao Rùa, các hang động Bình Gia, Bắc Sơn, Hòa Bình (Việt Nam); các di chỉ thời đại Đồng ở Indonesia ...

Những công trình hệ thống phân loại tìm hiểu xuất xứ trống đồng Đông Nam Á tàng trữ ở nhiều bảo tàng Âu - Á như Berlin, Dresden, Paris, London, Roma, Viên, Stockhom, Leiden, Kiev, Calcutta; Negara, Đại học Mã Lai, Raffles, Kuala Lumpur, Batavia, Jakarta... do các nhà dân tộc học Đức, Hà Lan, Áo chuyên khảo từ rất sớm như: *A.B.Mayer*, *W.Foy* (1884-1897), *F.Hirth* (1904), *J.J.M.Degroot* (1898), *J.D.E.Schmeltz* (1896), *G.P.Rouffaer* (1917), *H.Parmentier* (1918), đặc biệt là *F.Heger* (1902), người đầu tiên đề xuất quê hương trống HI ở miền Bắc Việt Nam [29].v.v... Nhiều hoạt động sưu tầm cổ vật của các nhà thám hiểm, truyền giáo, nhà thầu, sĩ quan, quan cai trị, bác sĩ, địa chất gia, viên chức Châu Âu tại Đông Dương; tại đảo Palawan, Baholi, trên quần đảo Philippine. Đặc biệt, các khám phá bất ngờ của J.Bouchot ở hầm mộ Cự thạch Xuân Lộc (Việt Nam), các di tích kiến trúc tế lễ – mộ táng và tượng Cự thạch kỳ lạ của thế giới Nam Đảo trên cao nguyên Pasemah (Nam Sumatra). Các họa thạch dành cho giả thiết về “*một cuộc viễn chinh của hoàng tử Phù Nam*” đến Nam Dương [61], về cuộc viễn du “*Những đứa con của mặt trời*” từ Hy Lạp đến Mỹ Châu (*Perry W.J.1918-1923*) và các cuộc khảo cứu khai quật của TS Van der Hoop [33] ở Indonesia; của Juneir Surveyor (1895), của thạc sĩ Dân tộc học I.H.N.Evans, người thành lập Hội nghiên cứu Khảo cổ học Mã Lai ở các thập kỷ 20 – 30, H.D.Noone (1935), Mubin Sheppard (1936), H.D.Collins (1937), R.O.Winstedt (1941)... ở

các mộ hoa cương chứa di vật đồng sắt và chuỗi hồng mã não, thủy tinh, gốm ở Mã Lai... Cần kể riêng về các khám phá ban đầu của L.Pajot từ 1924-1932 ven bờ Sông Mã với 700 di vật đầu tiên về “*Thời đại Đồng thau ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ*” [21] mở đầu cho các mùa điền dã lớn Đông Sơn của nhà khảo cổ Thụy Điển O.Jansé 1935-1939 và chuyên khảo “*Nghiên cứu khảo cổ học ở Đông Dương*”. Các sưu tập này cũng là cơ sở để nhiều chuyên gia thảo luận về thuật ngữ danh tiếng “*Văn hóa Đông Sơn*” do R.Heine Geldern đề xuất từ 1934. Các công trình của học giả Pháp V.Goloubew về di tích văn hóa, nghệ thuật trống cùng “*Cư dân Đông Sơn và người Mường*” [21], bên các công trình của học giả Hà Lan Van Stein Callenfels thảo luận về: “*Tuổi của trống đồng cổ*” (1937), của học giả Nhật Bản T.Kobayashi về: “*Nền văn hóa cổ ở đồng bằng Bắc Bộ Đông Dương*” (1937), của học giả Trung Quốc Trịnh Sur Hứa (1937): “*Lược khảo về trống đồng*”, của học giả Thụy Điển Karlgren (1942) bàn về: “*Niên đại sơ kỳ văn hóa Đông Sơn*” và O.Jansé bàn về “*Nguồn gốc văn minh Việt Nam*” [34]... Có thể coi Đại hội tiền sử Viễn Đông lần 1 họp tại Hà Nội mùa xuân 1932, là sự kiện khoa học quốc tế đánh dấu chặng đường đầu tiên nghiên cứu lịch sử văn hóa vật chất tiền sử Đông Nam Á của giới khoa học Phương Tây, với nghị quyết quan trọng thừa nhận thuật ngữ “*Văn hóa Hòa Bình*” chung cho cả khu vực. Bên cạnh Hội nghị khoa học Thái Bình Dương lần thứ 4 ở Djakarta 1929, Hội nghị quốc tế lần thứ 18 của các nhà Đông Phương học ở Leiden 12-1932, cũng là một Đại hội tập hợp hệ thống các phát hiện đáng giá nhất, mở đầu cho sự liên kết khu vực của giới khảo cổ quốc tế hoạt động ở Đông Nam Á - tiền thân của Hiệp hội tiền sử An Độ-Thái Bình Dương (Indo-Pacific Prehistory Association) ngày nay, là khơi nguồn cho những chuyên khảo tổng hợp đầu tiên từng mảng “*Đông Dương*” – “*Miến Điện*” – “*Philippines*” – “*Indonesia*” – “*Mã Lai*”của bức tranh tiền sử Đông Nam Á, từ “*Lần hội tụ Hòa Bình*” đến “*Lần hội tụ Đông Sơn*” của toàn khu vực. Các nghiên cứu này gắn liền với tên tuổi “*Những nhà tiền khu*” của Khảo cổ học Đông Nam Á như: H.Mansuy [40], M.Colani [11], V. Goloubew [21], L.Finot [18], I.H.N. Evans [17], A.N.G.van der Hoop [33], P.V.Stein van Callenfels [7], E.Patte [46], H.O.Beyer [5], P.Lévy [36], H.L.Movius [41], M.W.F.Tweedie [56], H.R.van Heekeren [28], O.Janse 34], G.Coedès [10] .v.v. Đương nhiên, hầu hết các công trình nghiên cứu tổng hợp này thường rập khuôn theo mô hình giai đoạn của Châu Âu đương thời, mang đậm ảnh hưởng của lý thuyết truyền bá và thiên di tộc người từ buổi đầu thế kỷ và nhìn chung đều đánh giá thấp các thành tựu văn hóa Đông Nam Á. Điển hình nhất cho quan điểm chung của giới học thuật Phương Tây là các học thuyết “*truyền bá*” (*diffussionisme*) và “*thiên di*” (*migrationisme*) do nhà bác học về dân tộc và lịch sử nghệ thuật người Áo R.Heine Geldern xây dựng ở Viên từ 1927 và hoàn thiện dần trong các chuyên khảo: “*Quê hương đầu tiên và những cuộc thiên di sớm nhất của người Nam Đảo*”; “*Nghệ thuật tiền*

Phật Giáo Trung Quốc và Đông Nam Á và ảnh hưởng của nó ở Châu Đại Dương”; “Vấn đề người Tochara và cuộc thiên di từ xứ Pont” [30].

Trong các chuyên khảo đó, R.Heine Geldern đã tổng hợp toàn bộ tri thức đương thời về khảo cổ học, dân tộc học, ngôn ngữ học để phác dựng bức tranh toàn cảnh Đông Nam Á, nhưng khác với các học giả chỉ quan tâm đến loại hình di vật, kỹ thuật và niên đại, ông đặc biệt chú tâm đến văn hóa và con người, xây dựng mô hình theo truyền bá luận – một trào lưu phổ cập trong nhân học phản ứng lại các lý thuyết tiến hóa luận của thế kỷ 19 [25: 1983]. Ông tập trung trình bày 2 cột mốc quan trọng trong diễn trình văn hóa Đông Nam Á là Đá mới và Kim khí. Theo ông, trong thời hậu kỳ Đá mới Đông Nam Á, có 3 nền văn hóa nối tiếp nhau của 3 nhóm cư dân khác nhau: văn hóa rìu hình trụ (Walzenbeilkultur) của cư dân nói tiếng Papua, văn hóa rìu vai (Schulterbeilkultur) của cư dân nói tiếng Nam Á và văn hóa rìu tứ giác (Vierkantbeilkultur) của người nói tiếng Nam Đảo. Ông đặc biệt quan tâm đến cuộc thiên di của người Nam Đảo đến từ Trung Quốc bằng nhiều hướng qua Đông Dương, Mã Lai toả ra hải phận Đông Nam Á và Châu Đại Dương. Theo ông, chủ nhân các văn hóa trên mang những yếu tố văn hóa vật chất và tinh thần riêng biệt. Do vậy sự biến đổi văn hóa khu vực này chỉ diễn ra bằng sự lan truyền và thay thế nhau. Ở các luận văn liên hệ đến thời đại kim khí, tác giả coi các cuộc thiên di (Wanderung) như phương tiện quan trọng để xây dựng mô hình văn hóa Đông Nam Á, đẩy xa hơn quan điểm truyền bá luận của mình. Ông đề xuất thuật ngữ “*Văn hóa Đông Sơn*” cho toàn bộ văn hóa đồ đồng thau ở đông nam Trung Quốc, Đông Dương và Indonesia, với niên đại mở đầu khoảng thế kỷ 7-8 BC. Ông cố gắng chứng minh văn hóa Đông Sơn trên toàn khu vực ấy bắt nguồn từ các văn hóa Halstatt và Caucase ở Phương Tây, đặc biệt văn hóa của người Kimmer. Ông cố gắng gắn nguồn gốc văn hóa Đông Sơn với các cuộc thiên di của tộc người Tochara, từ xứ Pont – tên cổ của Hắc Hải, sang Phương Đông băng ngang qua Trung Quốc. Dù không thừa nhận là “*nhà truyền bá luận*” cực đoan hay ôn hòa (1956), nhưng các quan điểm do R.Heine Geldern khởi xướng được ông duy trì bồi đắp bảo thủ suốt trong nhiều thập kỷ sau. Ví như, năm 1932, R.Heinne Geldern không chấp nhận quan điểm của W.J.Perry (1918) về một cộng đồng cư dân với văn hóa khởi nguồn từ Đông Ấn có ảnh hưởng của nền văn minh cao hơn kết hợp các đạo Bà La Môn, Phật, Hồi giáo di cư đến Indonesia vì nhu cầu tìm vàng và đồ quý, mang theo nghề trồng lúa và kỹ thuật ruộng tưới nước, thuật luyện kim và chế kim hoàn, kỹ nghệ đá và xây dựng Cự thạch, tục thờ thần Mặt trời và thờ Sinh thực khí..., nhưng Heine Geldern chia xẻ với W.J.Perry về mối quan hệ giữa Cự thạch Assam và Burma với Phương Tây (Châu Âu, Bắc Phi, Syria) về một phía và với Ahu và Marae của Polynesia về phía khác. Ông tin rằng Cự thạch đến cùng những người Nam Đảo – chủ nhân rìu tứ giác theo “*làn sóng di cư*” từ Archipelago và Viễn Ấn, Malacca khoảng 2000-1500 BC. Năm 1945, khi quan niệm văn hóa Cự thạch là mất xích

giữa sự sống và cái chết, ông phân chia Cự thạch Nam Dương thành 2 truyền thống: 1. Truyền thống “già hơn” liên quan với “làn sóng văn hóa tộc người” (*ethnic and cultural waves*) từ đất liền Châu lục đến từ Đá mới khoảng 2500=1500 BC, mang theo phong tục tạo dựng Menhir, Dolmen, thạch tự tháp.. tạo nên phong cách nguyên thủy và “tĩnh hơn” bắt đầu từ Nam Sumatra đến Java, Sulawesi... 2. Làn sóng Cự thạch “trẻ hơn” liên quan với các nhóm cư dân đến từ thời văn hóa Đông Sơn sơ kỳ Sắt, mang phong cách nghệ thuật chia ảnh hưởng Đông Sơn trang trí nhiều hơn và “động hơn” ở Pasemah và nghệ thuật Batak (Sumatra), Kalimantan, Sulawesi... Văn hóa Đông Sơn thống trị Indonesia trước tiến trình Ấn Độ hóa và tiếp tục in dấu trong các nghệ thuật Java và Tây Melanesia. Cội nguồn văn hóa Đông Sơn xét trở lại cũng nhờ các cảm hứng truyền từ Phương Tây đến... Cho đến tận lúc gần lìa đời, 1966, khi bàn về: “*Một số phong cách nghệ thuật bộ lạc Đông Nam Á: một thí nghiệm trong lịch sử nghệ thuật*” tác giả còn viết rằng: “*Dù tôi đúng hay sai trong việc đưa người Kimmer và người Tochara vào bức tranh Đông Nam Á thì vẫn còn lại sự giống nhau rõ ràng giữa các di vật và hoa văn Đông Sơn với Phương Tây, nghĩa là với Châu Âu và Kavkaz, mà điều đó chỉ có thể giải thích bằng một cuộc thiên di tộc người*”. Quan điểm truyền bá luận xuyên suốt các mô hình văn hóa và bản đồ thiên di tộc người của R.Heine Geldern có ảnh hưởng sâu sắc và dài lâu đến các nhà tiền sử học đương thời và nhiều thế hệ học trò ông như H.Mansuy (1925), M. Colani (1938), E.Patte (1936), Movius (1943), H.O. Beyer (1948), W. Tweedie (1957), H.R. Van Heekeren (1957-1958)... Đặc biệt, nhiều luận thuyết về thiên di văn hóa từ Tây sang Đông được nhiều học giả như W.Samolín, O.Jansé, C.Schuster, K.Jettmar, Per Sorensen ủng hộ và phát triển thêm khi tham luận Hội nghị khoa học quốc tế tại Đại học Columbia 1967 [25].

Cùng với việc xây dựng và phổ biến học thuyết truyền bá luận, Khảo cổ học diền dã Đông Nam Á trong các thập kỷ trước và sau thế chiến 2 cũng có nhiều thu hoạch quan trọng trên đất liền và nhiều hải đảo của khu vực. Lần đầu tiên người ta ghi nhận về khả năng tồn tại các kỹ nghệ Đá cũ sơ kỳ ở hơn 20 địa điểm; Ví như, Anyatha (Miến Điện), “*Văn hóa Patjitan*” (Indonesia), “*Văn hóa Kota Tampan*” (Mã Lai); “*Văn hóa Cabalwan*” (Philippines); cùng vết tích mới của người vượn và các homonid hóa thạch cùng công cụ cuội ghè thô ở Java, ở Tam Hang, Tam Paloi (Lào); ở Stungtreng – Snoul, Loang Spean và Phnom Loang (Campuchia), ở Thái Lan... Người ta chú ý hơn đến phân tích loại hình, hệ thống thuật ngữ, tổng kết thành tựu thực địa, đưa tầm nhìn xa hơn ngoài phạm vi một nước. Bên cạnh các nỗ lực cá nhân ở từng tiểu vực, như các chuyên khảo lớn về các loại hình di tích Đá lớn đặc sắc phân bố trên 2 cao nguyên Sầm Nưa và cánh đồng Chum Đá Xiêng Khoảng miền Bắc Lào của M.Colani [11]; Các cuộc diền dã của học giả Pháp ở Long An, Bình Phước (Việt Nam), các di tồn “*văn hóa Sa Huỳnh*” và các mùa khai quật

của học giả Thụy Điển O.Jansé ở Đông Sơn [34], của P.Lévy ở Mlu Prei, Campuchia [36], của L.Malleret với văn hóa Oc Eo ở delta Mekong (1938-1944) [39]...

Ngoài việc Hội nghị các nhà tiền sử học Viễn Đông lần 2-4 luân phiên nhóm họp ở Manila (1935), Singapore (1938), Manila (1953)...., đã xuất hiện các chuyên khảo cố gắng vượt qua khu vực để khảo cứu trên bình diện Châu lục chẳng hạn những ý tưởng liên hệ vượt nội vùng như các phức hợp gồm Philippines, Mã Lai...với truyền thống gồm Sa Huỳnh và cả Châu Đại Dương của H.Parmentier, B.A.Peacock, các đối sánh di tích Cự thạch cùng di vật vượt qua lục địa Đông Nam Á đến Trung Hoa (ý kiến M.Colani về gốc gác hạt chuỗi Xiêng Khoảng) hay đến sơn khố Calhar Ấn Độ cách đó 1200km (ý kiến P.Bellwood về quan hệ thân thuộc 2 vùng này)....; Đặc biệt, công trình: *“Các văn hóa sơ kỳ Đá cũ ở Nam và Đông Á”* của học giả Mỹ H.L.Movius [41] được đánh giá như: *“Bản tổng kết hay nhất về thời đại Đá Đông Nam Á...”*, dẫu rằng điểm sai lầm nghiêm trọng của Movius là sự lý giải Đông Nam Á như vùng tri trệ về văn hóa của H.L.Movius chứng minh thiên kiến nặng nề của học thuật Phương Tây trong suốt hơn nửa thế kỷ này. Các luận điểm về những cuộc thiên di xứ Pont sang Đông Nam Á của Heine Geldern và mối ràng buộc nguồn gốc của văn hóa đất liền và hải đảo ở khu vực này với miền đông nam Châu Âu [28]; Từ những phác thảo đúng của Viện sĩ Pháp G.Coedes ở thập kỷ 40 về *“Văn minh Nam Á”* thời sơ sử với kỹ thuật sử dụng trâu bò, dùng cày, làm ruộng tưới, tôn trọng phụ nữ, thờ phụng trên cao, vạn vật hữu linh, nhị nguyên luận trong tư duy... đến các luận thuyết sai của chính ông trong: *“Các dân tộc Đông Dương (Lịch sử và Văn minh)”* [10] rằng: *“Điều thú vị đáng nêu là, từ thời tiền sử, các cư dân bản địa Đông Dương dường như thiếu thiên tài sáng tạo và tỏ ra ít khả năng tiến hóa và tiến bộ nếu như không có đóng góp từ bên ngoài”*. Từ các ý kiến của học giả Anh G.Clark trong: *“Lịch sử thế giới”* [9] rằng: *“Một trong những lý do chủ yếu khiến lục địa Đông Nam Á đáng được nghiên cứu là nó giống như một thứ ống khói qua đó con người đã tỏa ra Indonesia, Melanesia và các miền xa hơn. Một lý do khác là vị trí trung gian của nó giữa hai trung tâm văn hóa chủ yếu là Ấn Độ và Trung Hoa. Cho rằng Đông Nam Á tự thân nó là cái nôi của một nền văn minh cổ dựa trên nông nghiệp trồng lúa là không được chứng thực bằng tài liệu khảo cổ học”*; Đến các luận điểm của N.N.Tcheboksarov và V.R.Kabo trong *“Các dân tộc Đông Nam Á”* [55] về: *“Kỹ thuật luyện kim và chế tác kim loại Đông Nam Á xuất hiện dưới ảnh hưởng của 2 trung tâm Sông An và Sông Hoàng. Kỹ thuật luyện kim ở trung tâm Sông Ấn đã được người Dravida và người Munda truyền cho người Môn Khmer Đông Dương, còn kỹ thuật luyện kim sông Hoàng Hà được truyền vào Đông Nam Á qua các bộ lạc Việt cổ”*; và các ý tưởng của F.L.Dunn [16] về kỹ nghệ chế tác Đá từ 1100 – 5000 BP. ở Đông Nam Á biểu trưng *“truyền thống khu vực bảo thủ” (conservative areal tradition)*; các cố gắng lần tìm *“nguồn gốc Trung*

Quốc” của không ít thành tựu Đá mới – Kim khí Đông Nam Á cụ thể như: W.Linehan [37], W.Watson [60], P.Bellwood [3], C.F.W.Higham [31] ...

Bắt đầu từ các thập kỷ 60-70 trở lại đây, lịch sử nghiên cứu tiền sử và sơ sử Đông Nam Á chứng kiến sự xuất hiện nhiều tổ chức chuyên ngành bản địa và sự liên hiệp điền dã và nghiên cứu quốc tế có hệ thống và trên quy mô lớn. Sự nghiên cứu này ở trình độ hiện đại, với sự tăng cường kỹ thuật – công nghệ mới ứng dụng từ khai đào đến xét nghiệm mẫu vật, nâng cao chất lượng chuyên ngành và liên ngành trong các công trình tổng hợp. Sự liên hiệp nghiên cứu mở rộng giữa nhiều trường Đại học, viện nghiên cứu của nhiều quốc gia trong Khu vực, Châu Lục và Thế giới, với những mô hình hợp tác có thể làm mẫu về nội dung và tinh thần liên hiệp. Nhờ thế, *“Mặc cho còn những khoảng trống rộng lớn trong hiểu biết chúng ta, khối lượng của tri thức đã tích lũy về lịch sử Đông Nam Á và Châu Đại Dương đã khá là đồ sộ”* [3]. Giờ đây đã có sự phối hợp điền dã bình đẳng và tốt hơn giữa các học giả nhiều nước như Indonesia, Mã Lai, Philippines, Thái Lan, Việt Nam, Lào, Campuchia, Singapore, Philippines..., hoặc giữa các học giả từng nước với nhiều tổ chức khoa học Âu – Mỹ – Nga – Nhật trên quần đảo Philippines, ở Mã Lai, ở Indonesia và các chương trình hợp tác đào tạo tiến sĩ – khảo sát khai quật giữa Indonesia và Philippines với Úc, Đan Mạch, Hà Lan, Mỹ, Anh, Nhật, Pháp... – Mỹ trên nhiều hải đảo...

Trên đất liền Đông Nam Á, các đoàn khảo sát Lào – Việt, Lào – Ý, Lào – Nhật, Lào – New Zealand thực thi nhiều mùa điền dã hàng động, bình nguyên, vùng hồ đập nước, đặc biệt khai quật quần thể đền tháp thời Cổ sử Vát Phu (Nam Lào). Ở Campuchia, các giáo viên và sinh viên Đại học Hoàng Gia Phnom Penh cùng các giáo sư tiến sĩ chuyên gia thuộc các đại học Đức, Hawaii (Mỹ), các tổ chức văn hóa Nhật Bản khai quật cụm thành đất hình tròn ở Kongpong Chàm, thám sát 1 trung tâm Phù Nam ở Angkor Borey, trùng tu quần thể Angkor, nghiên cứu Khảo cổ – Dân tộc nghề gốm cổ truyền bản xứ, phát hiện nhiều di tích ở Biển Hồ.... Đặc biệt sôi nổi trên đất Thái, từ các đoàn hợp tác Thái-Đan Mạch (1961-1962) khảo cứu Ban Kao, Ong Bah, Thái-Anh (1965), Thái-Mỹ (1966)...., các học giả Thái thường niên phối hợp với cá nhân hoặc tổ chức của một hoặc nhiều nước trên thế giới (Mỹ, Nhật, Đức, Pháp, Anh, Đan Mạch, Hà Lan, Ý, Thụy Sĩ, New Zealand, Úc, Indonesia, Việt Nam) nghiên cứu chuyên đề hoặc đa ngành ngắn hạn hoặc nhiều mùa... đưa lại nhiều bằng chứng sinh động, nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về sự hợp tác nghiên cứu hữu hiệu và mở rộng hơn giữa Đại học quốc tế với Thái Lan. Nhiều tổ chức văn hóa-khoa học cả trong và ngoài nước Thái cùng khai quật nhiều mùa điền dã và khám phá nhiều di tích văn hóa làm chấn động giới tiền sử học thế giới trong nhiều thập kỷ [2; 22; 23; 52].

Ở Việt Nam, nhiều Viện nghiên cứu, bảo tàng và các Đại học ở Hà Nội, Huế, TP Hồ Chí Minh đã chủ động đẩy mạnh công tác tuyên truyền đối ngoại, tăng cường phổ biến các giá trị riêng của truyền thống văn hóa dân tộc, *“mở cửa”* đón nhận sự góp ý, thảo luận học thuật và sự

giúp đỡ đồng nghiệp nước ngoài, tổ chức hội nghị quốc tế, xây dựng các chương trình hợp tác lớn, lâu niên, với nhận thức chung để mở rộng tầm hiểu biết quá khứ cả Đông Nam Á – Châu lục – Thế giới để hiểu sâu sắc hơn di tích của chính mình và bổ sung kho tàng phương pháp nghiên cứu khoa học bằng những thành tựu kỹ thuật – công nghệ tiên tiến. Đó là khuynh hướng không thể đảo ngược của nền Khảo cổ học dân tộc hiện đại. Ngoài việc tham gia tích cực trong nhiều tổ chức khoa học Quốc tế lớn, giới khoa học Việt Nam còn chủ động tổ chức các Hội nghị Quốc tế “*Việt Nam học lần I-II*”; “*60 năm phát hiện – công bố văn hóa Hòa Bình*”; “*Tương lai học*” và “*Phát triển đô thị bền vững, vai trò của nghiên cứu và giáo dục*”; “*Đô thị cổ Hội An*” và “*Văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An*” và “*Một thế kỷ KCH Việt Nam*”... ở Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, Hội An..., thu hút hàng trăm học giả từ nhiều nước trên Thế giới đến tham luận. Từ buổi đầu xây dựng đội ngũ trong các tổ chức hạt nhân đầu tiên (Bộ môn Khảo cổ học – Khoa Sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Đội Khảo cổ – Bộ Văn hóa) đến nay, chúng ta đã chủ động mời nhiều học giả uyên bác ngoại quốc đến cùng thảo luận và xây dựng các chương trình hợp tác song phương – đa phương trên nhiều lĩnh vực nghiên cứu – đào tạo của các khoa học Nhân văn như: với các học giả đến từ Trung Quốc (GS. Ngô Nhữ Khang), Hunggari (TS Kiszely Istvan), Ấn Độ (GS.Banarjee), Nga (Viện sĩ Rybacov, GSTS P.I.Boriscovsky, GS.TS V.M.Masson, GS. TS Deopik, GSTS Y.A.Dzadnheprovsky, TS S.N.Murabev, TS A.N.Matiukin, TS N.K.Anhixiutkin, TS V.I.Timopheev, TS S.S.Minhaev, GS Dakharuk, TS Ranov, TS Kontrin, TS Machukkin, TS Ranov, TS Minhaiev, TS Muraviov, TS Anhixiutkin, TS Timofeev), Mỹ (GSTS W.G.Solheim, TS Chester Groman, GSTS Rush Ciochon), Anh (TS I.Glover, Ruth Prior), Đức (Viện sĩ Herma, TS Hans Quitta, TS Kolh, TS W.Lobo; TS Albrecht, TS Haidle, TS A.Reinecke), Úc (GS.TS Helmut Loofs-Wissowa, GS.TS P.Bellwood), Đan Mạch (TS Per Sorensen), Pháp (GS. G.Condominas, TS. P.Y.Manguin, M.Vallerin, E.Bourdonneau, B.Ravez), Nhật (GS.TS Hakari, GS.TS. Gakuji Hasebe, GS Yoji Aoygi, GS.TS Eiji Nitta, GS.TS Keiji Imamura, GS Ueno Kunikazu, GS Sakurai, TS Mariko Yamagata, Th.S Nishimura Masanari, TS Yasushi Kojo, Asako Morimoto, Hiroki Nishida, Hidejumi Ogawa, Nishitani Masaru, Shinzato Takayuki, Katsuko Tanaka, Kazuchiko Tanaka, Takenori Tsuda, Hirano Yuko, Kato Toki), New Zealand (GS. C.Higham, TS B.Vincent), Đài Loan (Chen Weichun, Tsang Cheng Hwa, Chen Kwang Tzuu, Chen Yumei, Chang Kuang Jen, Kuo Su Chiu), Hongkong (GS.TS Tang Chung), Miến Điện (TS Min Aung Thwe), Thái Lan (GS hoàng thân Thái Subahadris Diskul), Bungaria (Nicolae Siracov, Syoboda Sirarova, Srephanea Ivanoka, Vasil Popov, Gosrodin Radov Gorpodinov) và các nhà nghiên cứu Việt kiều ở Bắc Mỹ như Linh mục Trần Tam Tĩnh, GS Lương Văn Hy, Nguyễn Bá Khoách...).

Các chương trình hợp tác điền dã lâu niên được thực thi cùng nhiều phương pháp khai đào, lấy mẫu, giám định ở trình độ hiện đại của Thế giới. Chẳng hạn các cuộc khai quật – nghiên cứu ở Hang Hùm (Lạng Sơn), Luy Lâu (Bắc Ninh), hang Làng Tráng, Mái Đá Điều (Thanh Hóa), Làng Vạc, Đồng Mỏm (Nghệ An), Kỳ Anh (Hà Tĩnh), Cồn Nền (Quảng Bình), Cồn Ràng (Huế), Gò Sành (Bình Định), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), Quần thể Cự thạch Hàng Gòn (Đồng Nai), Gò Ô Chùa và An Sơn (Long An), Đa Cai (Bình Thuận), Vĩnh Hưng (Cần Thơ), Đại Làng, Cát Tiên (Lâm Đồng), Oc Eo – Ba Thê (An Giang) .v.v... Đặc biệt, nhiều đoàn công tác đa quốc gia được thiết lập giữa Việt Nam và Nhật Bản, Úc, Mỹ, Anh, Đức, New Zealand, Thái Lan, Campuchia..., để khai quật Trà Kiệu, Hội An, các “Thánh địa” thương cảng xưa; các lò gốm Hợp Lễ, Gò Sành, Chu Đậu hoặc hợp tác “*Khảo cổ học dưới nước*” trục vớt tàu đắm dưới đáy biển Việt Nam để nghiên cứu gốm cổ Việt Nam trong mối quan hệ thương mại Đông Nam Á và Châu Á, các chương trình trùng tu tháp Champa với chuyên gia Balan, nghiên cứu bảo tồn “*Di sản văn hóa Thế giới*” ở Huế và Hội An... Chính xu thế tất yếu mở rộng tầm nhìn ra Đông Nam Á và thế giới; vị trí và thành tựu nghiên cứu chuyên ngành – liên ngành Việt Nam học là cơ sở để “*mở cửa*” đối ngoại, đón nhận cơ hội hợp tác nghiên cứu chuyên sâu hữu hiệu hơn, chứng tỏ uy tín học thuật Việt Nam trên trường Quốc tế, học hỏi đúc rút kinh nghiệm liên hiệp nghiên cứu – hợp tác chuyên ngành – đa ngành từ nửa thế kỷ qua và khơi mở những chân trời mới cho chính các khoa học xã hội và nhân văn của dân tộc. Sự liên hiệp nghiên cứu làm nguồn liệu vật chất liên quan đến thời tiền sử – sơ sử Đông Nam Á tăng thêm mau chóng, với nhiều chuyên khảo tổng kết về những chương trình điền dã nghiên cứu lớn như: “*Tiền sử Mã Lai*” [56], “*Tiền sử Borneo*” [27]; “*Các hang Tabon*” trên đảo Palawan [19]; “*Hậu kỳ thời đại Đá ở miền Đông Indonesia*” [20].

Đặc biệt, là các thành quả hợp lực nghiên cứu của những phái đoàn điều tra tổng hợp quy tụ chuyên gia Đại học nhiều nước Thái, Anh, Mỹ, New Zealand, Nhật Bản, Indonesia trong các hang động, làng mạc, nghĩa địa nổi danh trên đất Thái, với những khám phá gây chấn động thế giới học thuật trong nhiều thập kỷ, khởi sự từ cao nguyên Cò Rạt (Thái Lan). Những phát hiện Thái Lan được coi là “*bất ngờ nhất Châu lục*” đầu tiên là kết quả khai quật Hang Ma (Spirit Cave) với các chứng cứ về sự xuất hiện sớm nhất Thế giới của nông nghiệp nguyên thủy Đông Nam Á của C.F.Gorman ở Khoa Nhân học Trường Đại học California [22]; cho đến vết tích Ban Chiang – Nonnok Tha về cuộc “*Cách mạng luyện kim*” Đông Nam Á sớm hơn cả Lưỡng Hà, An Hăng [23]. Những khám phá bất ngờ đến từ Thái Lan và các tiểu vực được ví như thứ “*Ánh sáng mới dội vào quá khứ bị lãng quên*”[52], đã khiến cho bức tranh văn hóa tiền sử – sơ sử Đông Nam Á trở thành “*Một bức khảm những ấn tượng*” (*A Mosaic of Impressions*), gây nên không khí tranh luận học thuật nóng bỏng chưa từng thấy, từ ngọn nguồn cuộc sống đến các phát

minh khoa học có tính cách mạnh trong diễn trình tiến hóa qua “*Ngưỡng cửa*” của Văn minh đầu tiên.

Đã xuất hiện khá nhiều luận thuyết mới, những mô hình mới phục dựng khác truyền thống bức tranh văn hóa từng tiểu vực và hy vọng khái quát toàn cảnh Đông Nam Á, từ mô hình 4 thời kỳ nảy mầm (Germinal), thành hình (Formative), Chớm nở (Incipient), Xuất hiện (Emergent) mà F.Landa Jocano xây dựng cho Philippines (1967); Mô hình 2 truyền thống khu vực bảo thủ và cách tân (Conservative and Innovation Areal Traditions) ở Đông Nam Á của F.Dunn [16]; Mô hình của B.Peacock (1971) ứng dụng cho Mã Lai; Mô hình mà P.Bellwood [3] về 4 giai đoạn trước gốm (Pre-ceramic), Đá mới (Neolithic), Sơ kỳ và Hậu kỳ Kim khí (Early and Late Metal) hình dung ở hải đảo Đông Nam Á từ 1 vạn năm trở lại; Các mô hình về: “*Con đường phát triển thời đại Đá cũ*” và “*2 con đường Đá mới hóa ở Đông Nam Á*” dành riêng cho vùng đất liền và miền hải đảo; Mô hình “*Gỗ*” (Lignic) và “*Tre-Karst*” (Bamboo-Karst) của Hà Văn Tấn [25], G.G.Poppe (1983), cùng các lý thuyết “*Phản mô hình*” với Kael L.Hutterer (Đại học Michigan) là đại biểu chống các luận điểm về sự phát triển văn hóa đồng nhất và nhấn mạnh sự phát triển không đồng đều trong từng tiểu vực Đông Nam Á.

Người được mệnh danh là “*Ông già Đông Nam Á*”, vị chủ tịch tổ chức quốc tế nghiên cứu tiền sử Châu Á – Thái Bình Dương là GSTS Wilhelm Solheim ở Đại học Hawai, đánh giá rất cao phát hiện mới và yêu cầu phải có “*Cái nhìn mới về Tiền sử Đông Nam Á*”. Ông chính là tác giả đề xuất nhiều luận điểm táo bạo đến mức: Nếu thất bại của Mỹ ở Đông Dương mở mắt cho nhiều người Phương Tây về Đông Nam Á, thì phát hiện khoa học mới cũng có tác dụng lớn lao chẳng kém, bởi rằng những bước tiến đến văn minh có thể xuất phát từ Đông Nam Á. Ngay từ 1967, ông trình bày sự ra đời sớm của nhiều thành tựu văn hóa cổ Đông Nam Á như nghề trồng trọt, thuật luyện kim, nghề làm gốm và kỹ nghệ đóng thuyền... Với niên biểu nông nghiệp tới 15.000 năm, ông cho rằng Đông Nam Á từng chứng thực những người nông dân nguyên thủy Hòa Bình làm một cuộc “*Cách mạng Nông nghiệp*” (Agricultural Revolution) sớm nhất hành tinh; chủ nhân văn hóa Hòa Bình là cư dân trồng trọt sớm nhất trên thế giới và là người thợ gốm văn thừng từ 1 vạn năm về trước; Các văn hóa Ngưỡng Thiều – Long Sơn bắt nguồn từ một “*tiểu văn hóa*” (Subculture) Hòa Bình và di động từ Nam lên Bắc. Từ nhiều ngàn năm BC., người Đông Nam Á bằng thuyền bè của họ đã cập bến Đài Loan, Nhật Bản, mang đến quần đảo Nhật nghề trồng Taro và nhiều giống cây trồng khác. Khoảng 4000 năm BC. Đông Nam Á sáng chế nghề luyện kim đồng.... Khác tất cả những người đi trước, ông lần tìm cội nguồn đầu tiên của người Nam Đảo “*Nusantao*” trong khối cư dân chủ nhân kỹ nghệ công cụ vỏ sò ở hải đảo (Nam Philippines – Đông Indonesia) mà từ đó họ lan tỏa khắp hải phận Đông Nam Á, những phân khu của Châu Đại Dương và thâm nhập sâu vào nội địa Đông Nam Á, chứ không phải là ngược lại [52].

W.G.Solheim chống lại toàn bộ luận điểm của học giả Ao Heine Geldern, từ những cuộc thiên di của người Nam Đảo và người Tokhara từ Hắc Hải, đến các cội nguồn Halstatt, Caucase, Kimmer phương Tây của văn hóa Đông Sơn. Đoạn tuyệt các mô hình giai đoạn cũ mô phỏng Châu Âu, từ 1969, ông chủ trương “*Làm lại tiền sử Đông Nam Á*”, với mô hình hoàn toàn mới về chất trên khung sườn các bậc thang tiến hóa gọi là: Đá (Lithic); Gỗ (Lignic); Kết tinh (Crystallitic); Mở rộng (Extensionistic) và Đế quốc xung đột (Conflicting Empires). Sự hăng hái của ông trong nhiều ý tưởng bị không ít người phê bình là thiếu thận trọng. Nhưng, với việc nhấn mạnh sự phát triển rực rỡ và sáng tạo của văn hóa – văn minh Đông Nam Á, thẳng thừng đoạn tuyệt với quá khứ miệt thị văn hóa Khu vực này, ông trở thành đại biểu cho khuynh hướng “*phản truyền bá luận*” trong lịch sử khảo cứu văn hóa vật chất ở khu vực này [25], mà động cơ lạnh mạnh được ông phát biểu ngay khi “*Làm lại tiền sử Đông Nam Á*”, rằng: “*Sự khác biệt rõ ràng nhất giữa sự phục dựng của tôi và sự phục dựng truyền thống dựa vào Heine Geldern là trong phục dựng của tôi, cư dân Đông Nam Á là những người cách tân, đóng góp nhiều cho văn hóa Bắc Trung Quốc và sự phát triển về sau của văn hóa đó; Đối lập với việc coi Đông Nam Á là một “ngõ cụt” (cut de sac) mà những đổi mới và tiến bộ đều là từ ngoài tới*”.

Cùng với các luận thuyết, quan điểm và không khí thảo luận, hợp tác điền dã – giám định, trao đổi kết quả khảo cứu và học thuật mới, Khảo cổ học hiện đại của khu vực cũng chứng nhận sự xuất hiện nhiều tổng kết tiểu vực lớn và chuyên khảo với những phương pháp tiếp cận chuyên ngành ở trình độ hiện đại và liên ngành truyền thống khác như:

- Tiếp cận kinh tế học, khảo cứu các chất lượng kiếm sống, mô thức sống của cư dân tiền sử, sự chuyển tiếp từ nền kinh tế khai thác tước đoạt của thiên nhiên sang nền kinh tế sản xuất, các mô hình kinh tế tiền sử, tiêu chí về nội hàm của cách mạng Đá mới – cách mạng nông nghiệp ở Đông Nam Á...; tiếp cận Sinh thái học, lý giải đặc điểm văn hóa tiền sử Đông Nam Á thông qua mối quan hệ giữa con người và môi trường sống, phân tích ảnh hưởng của các hệ sinh thái với mô thức sống;

- Tiếp cận xã hội học, khảo sát vấn đề dân số học tiền sử, phân tích xã hội học qua tài liệu mộ táng, nghiên cứu các phân tầng xã hội, tìm hiểu thành lũy và vấn đề đô thị hóa... [25].

Là một chuyên ngành trong các khoa học xã hội – Nhân văn kiếm tìm lý giải dấu tích văn hóa vật chất cổ xưa trên lãnh thổ và lãnh hải “*mặt tiền*” bán đảo Đông Dương ở trung tâm Đông Nam Á nơi vị thế “*Cửa ngõ*” (Gateway) của giao lưu văn hóa địa vực nằm bên và khác biệt Ấn – Hoa [49] – nơi “*Ngã ba đường của các nền nghệ thuật*” (Le Carrefour des Arts – [24]) hoặc “*Ngã ba đường của các tộc người và văn minh*” (Carrefour de peuple et de civilisation – [34]), nền Khảo cổ học khai sinh cùng đất nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, thực thi nhiều công trình chuyên khảo và tổng hợp, góp phần tích cực trong sự hình thành phát triển lịch sử Văn hóa – Văn minh

Khu vực, góp nhiều thành tựu cho bức tranh tiền sử – sơ sử Đông Nam Á, được nhiều học giả uyên bác trên thế giới thừa nhận [3; 22; 31; 38; 51; 52]; với nhiều công trình chuyên khảo và tổng hợp về Lịch sử sáng tạo văn hóa, hun đúc văn minh, trau dồi bản lĩnh Việt Nam [26; 57; 58; 35; 50...], minh định từ hàng trăm công trình TS Sử học, Nhân học, Khảo cổ học, Văn hóa học và các chuyên khảo về các văn hóa Phùng nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun, Đông Sơn, Xóm Cồn, Quảng Nam – Đà Nẵng, Sa Huỳnh, Dốc Chùa, Bưng Bạc, Đồng Nai, Óc Eo, Champa, Bàu Tró, Quỳnh Văn, Hòa Bình, Bắc Sơn, Núi Đọ, Thần Sa, Châu Can, Việt Khê, Lũng Hòa, Cổ Loa, Trà Kiệu. Khảo cổ học thời đại Đá và thời đại Kim khí, chuyên khảo về nghề chế tác trang sức đá, đồ thủy tinh, đồ sơn, trống đồng Đông Sơn ở Việt Nam và Đông Nam Á, đàn đá Bình Đa, Lộc Hòa, 3 thập kỷ Tạp chí chuyên ngành, 38 tập kỷ yếu thường niên đồng thời cũng là ngành khoa học duy nhất ở Việt Nam duy trì thường niên sinh hoạt khoa học toàn quốc.

Chính đặc điểm coi trọng nghiên cứu truyền thống dân tộc, khơi dậy những giá trị văn hóa vật chất, tinh thần cao đẹp cổ xưa để thấu hiểu cuộc sống con người hôm nay và nhận thức thời cuộc Việt Nam trong trường kỳ lịch sử trong quan hệ Đông Nam Á, đã cho phép khảo cổ học Việt Nam tìm hiểu “*tính Đông Nam Á*” trong các văn hóa tiền sử – sơ sử Việt Nam trong bối cảnh đại đồng về nhân chủng, ngôn ngữ tộc người và trình độ sáng tạo văn hóa từ cuộc sống mông muội thời đại Đá, đến các sự nghiệp phát minh vĩ đại ra cây trồng, vật nuôi, thuật chế luyện kim khí và “*Cách mạng*” cuộc sống nguyên thủy, vững bước đến văn minh sớm. Qua các lần “*Hội tụ*” tầm cỡ Hoà Bình và Đông Sơn trên toàn khu vực ấy, vận mệnh từng Nhà nước và Dân tộc đầu tiên không tách rời các tiểu vực láng giềng. Nhà nghiên cứu Dân tộc học sáng lập Trung tâm Khoa học Pháp nghiên cứu Đông Nam Á Georges Condominas đã biểu dương quan điểm tìm về nguồn gốc, thăm sâu, khai thác truyền thống của chúng ta như “*có giá trị thức tỉnh*” giới nghiên cứu Âu Mỹ đang xa rời phương châm cơ bản của Triết học Hy Lạp, cội nguồn của tư tưởng Nhân văn Phương Tây: “*Hãy tự mình biết mình*”. Nữ tiến sĩ Mỹ Jane Werner “*đánh giá nhận thức cần nghiên cứu Việt Nam trong quan hệ mật thiết với Đông Nam Á như một phát hiện xuất sắc và một đóng góp quý giá cho khoa học của Khoa học Xã hội Việt Nam*” [50].

Những nhận thức đáng giá khác mà Khảo cổ học Việt Nam và Đông Nam Á thu nhận được trong giai đoạn phát triển ở trình độ hiện đại tựu trung là:

1. Những bằng chứng vật chất minh định Đông Nam Á là một trong những cái nôi đầu tiên có tuổi vào loại xưa nhất trong lịch sử nhân hóa từ vượn người Homo Erectus đến loài người Homo Sapiens, là một trung tâm thực hiện bước nhảy vọt Sapiens hóa trong tuổi thơ Nhân loại, khi bắt đầu biết chế tác công cụ Đá thô và lao động đến phát minh nông nghiệp “*Cách mạng*” cuộc sống nguyên thủy, ở những chặng đường lớn từ Lampang, Núi Đọ, Xuân Lộc, Biển Hồ, Anyath, Kota Tampan, Patijitan ..., qua “*Làn hội tụ*” đầu tiên Sơn Vi – Hòa Bình, đến các “*Vườn*

uom” thành tựu văn minh kim khí từ hậu Đá [25]. Từ các nhân cốt của người vượn Java đầu tiên ở hải đảo, các Homo Soloensis và người Mã Bá Quảng Đông mang các đặc điểm Neandertal ở Đông Nam Á có thêm các chứng cứ mới ở New Gwe(1993), Modjokerto (1971-1994), mảnh tước đi kèm cốt sọ Sambungmachan (Jacob 1975), Ngebung (Semah 1992); Những vết tích hóa thạch vượn nhân hình Ramapithecus niên đại Miocene đầu tiên ở Đông Nam Á tới khoảng 8 triệu năm, liên quan với cốt sọ Lufengpithecus khám phá ở Lộc Phong, Nguyên Mưu (Vân Nam) gọi là Driopithecus và Ramapithecus phát hiện trong địa tầng sét nâu Cánh tân sớm, cùng 3 công cụ thạch anh – hoạt động chế tác cách nay cả triệu năm; đã gợi mở hướng tìm các linh trưởng gần người các vùng than nâu (lignite) Việt Nam. Sự hợp tác mở ra triển vọng kiểm tìm các phương pháp giải mã thông tin mới, để nghiên cứu tốt hơn và nhận thức đáng tin hơn các nẻo đường nhân hóa chính những nguồn liệu vật chất vốn có trong quá khứ khai đào Đông Nam Á.

Văn hóa hậu kỳ Đá cũ Sơn Vi bổ khuyết tri thức về cội nguồn văn hóa Hòa Bình và việc xác lập kỹ nghệ Ngườm là thành tựu lớn cho nhận thức tiền sử cả Đông Nam Á. Văn hóa Hòa Bình hiện được ghi nhận từ góc độ Địa – văn hóa là cái nôi của Cách mạng Đá mới ở Việt Nam và Đông Nam Á, là bàn đạp cho nền văn minh nông nghiệp đồng bằng châu thổ thời Kim khí [56] cùng nhiều thành tựu chuyên khảo – tổng hợp nhận thức thời đại Đá Việt Nam cống hiến cho khu vực và thế giới về nhiều văn hóa Đá mới sau Hòa Bình (Bản Môn (Sơn La, Lai Châu; Soi Nhụ (Hạ Long – Quảng Ninh); Cái Bèo ở đảo Cát Bà; Hoa Lộc (Đa Bút – Thanh Hóa); Quỳnh Văn ven biển Nghệ Tĩnh; Bàu Tró (Quảng Bình); Bàu Dũ (ven biển Quảng Đà); Biển Hồ (Lung Leng, Tây Nguyên) .v.v..., xứng đáng điểm danh bên cạnh các khám phá khu vực như: Hang Ma (Thái Lan), Hà Mẫu Đậu và Bành Đầu Sơn (Nam Trung Hoa) .v.v...

2. Đây cũng là một nơi hiếm có trên thế giới phát minh ra, cùng với nông nghiệp, luyện kim, cuộc sống văn minh – “*Lần hội tụ Đông Sơn*” và định hình “*Phong cách Đông Sơn*” (*Dongsonian Style*) của toàn khu vực. Với “*Sự ra đời của Việt Nam*” [54] và nhiều quốc gia sơ khởi trên tầng nền “*Môn cổ*” và văn hóa các tộc người bản địa chung sắc màu của một “*Văn minh thực vật – Văn minh nông nghiệp*” khác Ấn – khác Hoa. Ngoài chuỗi khám phá giàu tính “*Cách tân*” các lối nghĩ hướng về lục địa già phía Tây của hành tinh, một trong những thành tựu gây nhiều “*hung phấn trí tuệ*” Âu – Mỹ chính là nhận thức của nền Khảo cổ học Việt Nam qua nhiều thập kỷ khám phá khảo cứu về 3 trung tâm kết tinh Văn hóa – Văn minh thời Kim khí: ĐÔNG SƠN – SA HUỶNH – ĐỒNG NAI. Các phức hệ giá trị văn hóa tiểu vực khẳng định từng trình độ sáng tạo đặc sắc riêng, tạo thành nghệ thuật độc đáo riêng, nhưng thống nhất trong bình diện khu vực của “*phong cách Đông Sơn*” và đều cách mạng nhờ các nỗ lực nội sinh gắng sức đan hòa giữa các sự nghiệp bảo lưu giá trị truyền thống và đón nhận giá trị ngoại sinh trong giao lưu hỗn dung đa hướng để đổi mới và tiến bộ.

Trong nền Văn minh Sông Hồng, những thành tựu ghi nhận sự phát triển của nền nông nghiệp dùng cày và sức kéo trâu bò, trồng lúa nước quảng canh, cấu trúc hội nguyên văn hóa đa tộc người giàu tính nhân văn, sự hình thành sớm giai cấp và nhà nước với ý thức dân tộc giàu cá tính và bản lĩnh mãnh liệt đã xây đắp và gìn giữ “*nghiệp xưa họ Hùng*”. Thời kỳ này được minh định ở nhiều hệ thống tư liệu từ hàng ngàn di tích của các văn hóa tiền Đông Sơn như Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun đến “*Đỉnh điểm Đông Sơn*” – “*Bước hội tụ Văn hóa*” Đông Sơn với 275 di tích. Thành tựu này được nhiều học giả nước ngoài kinh ngạc và quan tâm sâu sắc khi tìm hiểu văn minh Việt cổ trong bình diện giao tiếp văn hóa của Ban Chiang, Non Nok Tha (Thái Lan), Đông Nam Á hải đảo, văn minh Điền thời Hán (Vân Nam – Trung Quốc), với khu vực chế tác kim loại Bắc Việt Nam bên cạnh khu vực sông Mêkong. Thời kỳ hình thành Nhà nước Văn Lang của Vua Hùng, “*Sự hình thành Dân tộc Việt*” và “*Sự ra đời của Việt Nam*” [2; 3; 12-15; 31; 38; 43; 45; 51-53; 54]. Về phức hệ di tích Sa Huỳnh, 90 năm phát hiện và nghiên cứu di sản vật chất vùng duyên hải Nam Trung Bộ (Việt Nam) đã đưa lại nhiều nhận thức cơ yếu và thú vị về các tộc người bản địa cư trú và sáng tạo văn hóa hòa điệu với khung cảnh thiên nhiên hẹp cả núi rừng – trung du – đồng bằng – hải đảo trên cơ tầng nông nghiệp duyên hải, nghề rừng, nghề biển và phát triển hàng hải trong quỹ đạo chung của “*một nền Văn minh biển*” (*Prsylusky*). Điều này được minh định chính từ các văn hóa tiền thân: Xóm Cồn, Long Thạnh, Bình Châu, đến Sa Huỳnh, với “*Không gian giao lưu văn hóa*” ở tầm mức khu vực và châu lục như: gốm tô màu, khuyên tai đá ngọc Nephrite có 3 mẫu kiểu “*Lingling-O*” và có 2 đầu thú trong vòng lan tỏa của “*Truyền thống táng tục mộ chum*” ở Việt Nam, Đông Nam Á và Đông Á... [25; 49; 56]. Phức hệ Văn hóa Kim khí Đồng Nai hình thành và phát triển trên cơ tầng kinh tế sản xuất nông nghiệp phát đốt nương rẫy trồng lúa cạn và rau đậu, cây có quả, củ cho bột, kinh tế khai thác lâm hải sản và sự mở rộng của lao động thủ công chế tác công cụ, vũ khí, trang sức bằng đá và kim loại, vật dụng gốm thô, kiến tạo các làng nội vùng, các trung tâm quần cư kinh tế, chính trị hạt nhân đủ sức điều hành các “*Tiền cảng thị*” nơi duyên hải khai triển thông thương và hoạt động giao lưu văn hóa kỹ thuật ngoại vùng. Với các trống đồng kiểu Đông Sơn ở Nam Bộ, đàn đá Bình Đa- Lộc Hòa, Qua Long Giao, mộ Cự thạch Hang Gòn - những “*Hiện tượng Đồng Nai*” trong lịch sử thăng trầm của văn hóa và văn minh Đông Nam Á [49].

3. Trong diễn trình thăng trầm từ “*Văn minh Thực vật*”, “*Văn minh nông nghiệp trồng rau-củ*” đến “*Văn minh lúa gạo*”, đã hình thành từ rất sớm “*tính Đông Nam Á*” cho từng tiểu vực và cộng đồng tộc người để nhìn từ góc độ lịch sử văn hóa vật chất là “*Phi Ấn phi Hoa*”. Đặc biệt thú vị khi quan sát toàn thể “*Bức tranh khu vực*”, hay ở từng phần tạm tách “*đất liền*” (*Mainland*) và “*hải đảo*” (*Islands*) [3; 31]. Hoặc giả chỉ riêng trường hợp Việt Nam [25] với tính cách thăng trầm riêng của một “*Hiện tượng Lịch sử*” (*Historical Phenomenon*) trong diễn trình 2 thiên kỷ

trước Công lịch. Từ các văn hóa nông nghiệp dùng cày và sử dụng sức kéo trâu bò, sự phân hóa xã hội, trình độ sử dụng địa hình, nhận thức sinh thái, văn hóa và nghệ thuật, phong tục tập quán, tín ngưỡng tôn giáo, tập tục ma chay, cách ăn mặc ở pha trộn sắc tộc như búi tóc (Malayo), cắt tóc ngắn (Môn Khmer), tết tóc (Mèo – Dao, Tạng – Miến), các giả định chủ nhân và vòng hợp nhất tộc người từ “*tiền Đông Sơn*” (Phùng nguyên Tây cổ, Gò Con Lợn Nam Á cổ, Hạ Long Malayo), qua vòng vận động Đồng Đậu - Gò Mun trỗi dậy lên yếu tố Tây – Thái cổ đến đỉnh cao kết tinh văn hóa Đông Sơn, hình thành dân tộc Việt cổ, với Nước Văn Lang – Âu Lạc của Vua Hùng và Vua Thục An Dương Vương thời Đông Sơn mang hình hài Nhà Nước sơ khai đa tộc người [25; 48-50; 56]. Các biểu tượng tuyệt vời của trí tuệ Việt cổ cô đúc trong trống thạp của Văn hóa Đông Sơn – nền văn hóa triển nở dọc các dòng chảy lớn như Hồng Hà, Sông Mã, Sông Lam từ ngọn nguồn đến cuối bể có ít nhiều dị biệt nhưng mang giá trị “*hồn nước*” chung, hội tụ các “*Hồn thiêng núi sông*” ngay từ buổi bình minh của lịch sử dân tộc. Tính “*Đông Nam Á*” của tiểu vực này trong không gian và thời gian lan tỏa của trống Đông Sơn được coi như là đỉnh cao hội tụ mới của nhiều tộc người trên đất liền và toàn hải đảo, từ những ý tưởng đồng nhất thực thể văn hóa có trống nơi đây với toàn bộ văn hóa đồ đồng Đông Nam Á của Heine Geldern [30] đến các cách hiểu về ảnh hưởng tầm khu vực của Đông Sơn giới hạn trong phong cách chế luyện Đồng khác Ấn – Hoa [3], hoặc coi sự có mặt của trống Đông Sơn ở đó đây Đông Nam Á không chỉ đơn giản là vật phẩm thông thương mà còn có thể như thứ “*Quyền trượng*” hoặc “*Nghi trượng*” ban phong đi từ “*Thủ đô Phong Châu*” của các Vua Hùng [38]. Từ các văn hóa nông nghiệp không dùng cày hay phát đốt nương rẫy ở duyên hải Trung Bộ – Sa Huỳnh “*tiền Chăm*” và Nam Bộ – Đồng Nai “*tiền Phù Nam*”, các cư dân tiểu vực được hình dung về nhân học như loại hình hỗn chủng pha màu Môn-Khmer, Nam Á và Nam Đảo, cũng là các chủ nhân ông xã hội có giai cấp đầu tiên ngang thời với Văn Lang – Âu Lạc ở cực Nam Trung Bộ và Nam Bộ Việt Nam. Hình hài các Nhà nước sơ khởi ấy gắn liền với các “*Chieftams*” hoặc các “*Kurung*” tiểu vực, theo các mạng lưới phân quyền riêng cổ sơ hơn mô hình “*Vương*” và “*Lạc tướng*” – “*Lạc hầu*”. Ở Nam Trung Bộ, theo dõi trong bia ký, dân gian, nghệ thuật tạo hình Chăm cổ, có thể đó là hình hài Nhà nước đầu tiên của thủ lĩnh tối thượng của các thủ lĩnh bộ lạc Dừa (Nari Kela Vamsa) và Cau (Kramuka Vamsa) từ Quảng Nam – Bình Định đến Khánh Hòa – Bình Thuận. Nhà nước mạnh nhà của quốc gia Lâm Ấp Khu Liên trong Thủy Kinh Chú, quốc gia Sri Mara trong bia chữ Phạn sớm nhất Đông Nam Á Võ Cạnh vào cuối thế kỷ 2 AD với đô thành Su từ Sinhapara [25; 56]. Ở Nam Bộ, đó là các chứng tích vật chất thời Sơ sử liên quan đến “*Văn hóa Oc Eo*”, góp phần minh giải cuộc chiến của các “*Kurung*” Nam Bộ cùng cuộc tình duyên Hồn Điền với nữ chúa Phù Nam Liễu Diệp ở đồng bằng châu thổ Mekong trong ảnh hưởng của văn hóa nghệ thuật tín ngưỡng Tây Phương Thiên Trúc theo chân các đạo sĩ Ấn Độ Giáo Bà La Môn

tràn vào thế giới hải đảo Đông Nam Á [49]. Trong bình diện giao lưu lan tỏa “*Phong cách Đông Sơn*” ở khu vực, ảnh hưởng Văn minh đúc trống đồng Việt cổ có vai trò quan trọng là sự thật lịch sử hiển minh, được nhiều chuyên khảo lớn phân giải như “*tính Đông Nam Á*” chung cho nhiều tiểu vực. Nhưng sự phát triển độc lập có vai trò quyết định, làm nên tính độc đáo của diện mạo, bản sắc tiểu vực, có khuynh hướng phát triển riêng, với các “*Hào khí Đông Nai – Sa Huỳnh – Đông Sơn*” riêng cũng như bản lĩnh khắc phục số phận lịch sử riêng của từng cộng đồng dân tộc trong toàn Khu vực.

4. Qua đó, hình thành bản lĩnh “*chống đồng hóa*”, đề trường tồn, phát triển và tiếp tục sáng tạo văn hóa, xây đắp các “hồn nước” và bản lĩnh giữ gìn “hồn nước”, tạo dựng khu vực thành “*Bức khảm*” giàu ấn tượng “*Thống nhất trong đa dạng*” [48], phát sáng độc lập trước sức ép của “*2 khối cư dân và văn minh khổng lồ*” của nhân loại trên bình diện châu lục, mà qua nhiều hiểm họa của trường kỳ lịch sử lớn có khi khôn lường có khi đến khó tin kiểu cả “*Thiên niên thuộc Bắc*”, kiểu họa bành trướng quốc tế từng chiếm quá nửa liên Châu lục Âu Á kiểu Nguyên Mông, hay chịu cả thế kỷ “*Thuộc địa*” thực dân phát xít và đế quốc, “*Ta*” vẫn là “*Ta*”.

5. Khảo cổ học Việt Nam và Khu vực trước thềm Thiên kỷ mới với nhiều thử thách mới và nhiều vận hội đổi mới, ứng dụng nhiều thủ pháp điền dã, khảo cứu, quan sát, lý thuyết và quan điểm triết học chuyên ngành mới. Nhưng những giá trị hữu ái của truyền thống giao lưu mật thiết tự xa xưa vẫn còn nguyên và còn nguyên hy vọng vẫn là quỹ đạo chung trước các thách thức “*Toàn cầu hóa*”. Những đối tượng nghiên cứu nền tảng vẫn không hề thay đổi – di tích lịch sử văn hóa vật chất – là “*trí nhớ*” của các dân tộc trong trường kỳ lịch sử. Mục tiêu tối thượng của ngành khoa học này vẫn không hề đổi: vẫn là khoa học “*mang đồng mang đá trả lại cho cuộc sống xưa*”, vẫn là một chuyên ngành của Sử học “*nhắc nhở chúng ta lao động là nguồn gốc của tất cả, lao động dưỡng cảm và thông minh, lao động sản sinh ra mọi đạo đức của con người, mọi phẩm giá của dân tộc*” [50], vẫn thăm dằm chất nhân văn khi khám phá quá khứ, hiểu biết văn hóa – văn minh xưa để thêm nể kính tiền nhân, tự hào quá khứ, góp phần giáo dưỡng lòng yêu nước và tình yêu lao động, đào tạo thế hệ trẻ sáng tạo và gìn giữ “*hồn nước*” và đất nước “*có hồn*” hiện tại cho tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Barnard N, *Early Chinese Art and its possible Influence in the Pacific Basin*. 3 vol. New York: Intercultural Arts Press (1974. Authorised Taiwan Edition. Taiwan), (1972).
- [2]. Barnard N., *Ancient Chinese bronze and Southeast Asian metal and other archaeological artifacts*. Melbourne: National Gallery of Victoria, (1976).

- [3]. Bayard D.T. *Excavation at Non Nok Tha, Northeastern Thailand 1968: An interim report* – Asian Perspective (AP), 13: 109-143, (1970).
- [4]. Honolulu. *Non Nok Tha: the 1968 excavations* – Asian and Pacific –Archaeology Series (APAS), Otago University Monographs in Prehistoric Anthropology, 4. 1977.
- [5]. *Recent Development in the Prehistory of Mainland Southeast Asia and South China* – The 2nd New Zealand Conference on Asian Studies. Christchurch, New Zealand, (1972).
- [6]. Bellwood P.S, *Man's Conquest of the Pacific*, The Prehistory of Southeast Asia and Oceania – Collins, Auckland, New York, (1978).
- [7]. Bellwood P.S., *Prehistory of the Indo-Malaysian Archipelago*, Academic Press, New York, (1985).
- [8]. Bezacier L., *Le Vietnam: de la préhistoire à la fin de l'occupation chinoise*, Picard, Paris, (1972).
- [9]. Beyer H.O, *Prehistoric Philippines*, Encyclopaedia of the Philippines VIII (History), 21-62. (1948).
- [10]. Philippines and East Asian, *Archaeology and its relation to the origin of the Pacific Islands population*, Bulletin National Research Council of the Philippines, 29:1-130. Quezon city, (1936).
- [11]. Boriscovsky P.I, *Quá khứ nguyên thủy ở Việt Nam* (chữ Nga), Moscow – Leningrad, (1966).
- [12]. Callenfels P.V.Van Stein, *Kort Gids voor de Praehistorische Verzameling*, Jaarboek Koninklijk Bataviaasch Genootschap van Kanslen en Wetenschappen, 2: 69-106, (1934).
- [13]. Cao Xuân Phổ, *Những nhận thức lớn của thế giới về thời tiền sử ở Đông Nam Á*, KCH, 1: 82-87, (1977).
- [14]. Clark G, *World Prehistory*, Cambridge, (1965).
- [15]. Coedès G, *Les peuples de la Péninsule Indochinoise (Histoire – Civilisation)*, Paris, (1962).
- [16]. Colani M, *Découverte de paléolithique dans la province de Hoabinh*, L'Anthropologie, 26. Paris, (1926).
- [17]. Colani M., *La civilisation hoabinhienne; Différent aspects du néolithique Indochinois-Praehistorica Asia Orientalis*, Premier Congrès des préhistoriens d'Extrême-Orient. Hanoi, (1932).

- [18]. Colani M., *Mégalithes du Haut-Laos*, 2 vol. – Publication de l'EFEO, 25-26, (1935).
- [19]. Colani M, *Découverte préhistoriques dans les parages de la Baie d'Along – Bulletin et Travaux pour 1938 (1)*; Institut Indochinois pour l'Etude de l'Homme. Cahier de l'EFEO, 14:8-10, (1938).
- [20]. Davidson J.H.C.S, *Archaeology in Vietnam since 1954*, Early South East Asia (ESEA), 98-124, (1979).
- [21]. Davidson J.H.C.S, Smith R.B., Watson W. eds, *Urban Genesis in Vietnam*, ESEA, Oxford University Press, 304-314, (1979).
- [22]. Deopik D, *Sự phát sinh Nhà nước sơ khai ở Việt Nam (chữ Nga)*, Đông Phương học Soviet, 4, (1958).
- [23]. Dewall M.von, *The Tien Culture of South-West China – Antiquity*, 41(161):8-21, (1967).
- [24]. Dewall M.von, *Local workshop Centres of the late Bronze Age in Highland South East Asia*, ESEA, (1979).
- [25]. Dunn F.C. *Cultural Evolution in the Late Pleistocene and Holocene of Southeast Asia*, American Anthropologist (AA), 72:1041-1054, (1970).
- [26]. Evans Ivor.H.N. *Excavations at Tanjong Rawas Kuala Selangor*, Perak JFMSM, 15 (3):79-134, (1932).
- [27]. Finot L, *L'Archéologie Indochinoise 1917-1930*, Bulletin de la Commission Archéologique de l'Indochine (BCAI), (1931).
- [28]. Fox R.B, *The Tabon Caves: Archaeological Explorations and Excavations on Palawan Island*, Philippines – Monograph of the National Museum, 1. Manila, (1970).
- [29]. Glover I.C, *The Late Stone Age in Eastern Indonesia*, World Archaeology, 9 (1): 42-61, (1977).
- [30]. Goloubew V, *L'Age du bronze au Tonkin et dans le North-Annam*, Bulletin de Francaise d'Extrême-Orient (BEFEO), 29:1-46, (1929).
- [31]. Goloubew V, *Excavation at Dong Son – Annual bibliography of Indian Archaeology the year 1930*. Leyden, (1932).
- [32]. Goloubew V, *Le peuple de Dongson – Actes du 12e Congrès préhistorique de France*, Toulouse – Foix, (1936).
- [33]. Goloubew V, *Le peuple de Dongson et les Muong*, Cahier de l'EFEO, 10. (1937).
- [34]. Goloubew V, *La maison Dongsonienne*, Cahier de l'EFEO, 14, (1938).

- [35]. Goloubew V, *Le tambour métallique de Hoang-Ha*, BEFEO, 40:383-409, (1940).
- [36]. Gorman C.F. Excavation at Spirit Cave, *North-Thailand:some interim interpretations* – *AP*, 13, (1970).
- [37]. Gorman C.F. – CHAROENWONGSA P. *Ban Chiang: a mosaic of impressions from the first two years – Expedition*, The Magazine of Archaeology Anthropology, 18(4):14-26, (1976).
- [38]. Groslier B.P. *Indochine-Carrefour des Arts*. Paris, (1961).
- [39]. Hà Văn Tấn, *Về khảo cổ học tiền sử Đông Nam Á, Hà Nội*. (1983). *Miền Nam Việt Nam trong khung cảnh tiền sử Đông Nam Á* – KCH, số 3, 5-10. (1994), *Văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam, Hà Nội*, (1985). *Cultural exchanges among the ancient Viet* – VS, 120: 135-154, (1996). *Theo dấu các văn hóa cổ, Hà Nội*. (1998), *Khảo cổ học Việt Nam-thời đại Đá, Hà Nội*, (1997). *Khảo cổ học Việt Nam-thời đại Kim khí, Hà Nội*, (1999).
- [40]. Hà Văn Tấn – Trần Quốc Vượng, *Sơ yếu khảo cổ học nguyên thủy Việt Nam*, Hà Nội, (1961).
- [41]. Harrisson T. *The Prehistory in Borneo* – *AP*, 13:17-46, (1970).
- [42]. Heekeren H.R.van. *The Bronze-Iron Age of Indonesia; Verhandelingen van heat Koninklijk Instituut voor Taal-, Land-en Volkenkunde* 61. Martinus Nijhoff, The Hague, (1958).
- [43]. Heger F. *Alte Metaltrommeln aus Sudost Asien. K.von Hiersemann*, Leipzig, (1902).
- [44]. Heine-Geldern R. *Urheimat und friihesten Wanderungen der Austronesier* – *Anthropology*, 27:543-619. Wien, (1932). *L'Art prébouddhique de la Chine et de l'Asie du Sud-Est et son influence en Océanie* – *Revue des Arts Asiatiques (RAA)*, 11 (4):177-206.Paris, (1937). *Das Tocharerproblem und die Pontische Wanderung* – *Saeculum*, 2 (2):225-255. Vienne, (1951), *Some tribal art styles of Southeast Asia: An experiment in art history* – ed. Douglas Fraser. *The Many Faces of Primitive Art*. New Jersey, (1966).
- [45]. Higham C.F.W. *The social structure of the Ban Nadi prehistoric population*, Ban Nadi – The Pacific Science Congress, February, (1983), *The Archaeology of Mainland Southeast Asia*, Cambridge University Press. Cambridge, (1989), *The Bronze Age of Southeast Asia*, Cambridge University Press, (1996).
- [46]. Hoàng Hữu Triết, *Đông Nam Á-bức tranh địa lý khái quát* – Hội nghị thông báo khoa học Đông Nam Á lần I (HNTBKHDNAI), Hà Nội, (1978).

- [47]. Hoop A.N.J.van der, Megalithes Remains in South Sumatra – Zutphen: W.J.Thieme, (1932), Steenkistgraven in Goenoeng Kidoel – Tijdschrift voor Indische Taal-, Land-en Volkenkunde (TITLV), 75:83-100, (1935).
- [48]. Jansé O.R.T. *Archaeological Research in Indochina. Vol.I-II*, Harvard Yenching Institute, Cambridge, (1948), *Archaeological Research in Indo-China. Vol.III. The Ancient Dwelling Site of Dong Son (Thanh Hóa, Annam)*, (1951); General Description and plates; Institut Belge des Hautes Etudes Chinoises, St-Catherine Press. Bruges, (1958), *Vietnam – Carrefour de peuple et de civilisation*, France-Asie, 165:1645-1670, (1961).
- [49]. Lê Văn Lan, Phạm Văn Kinh, Nguyễn Linh, *Những vết tích đầu tiên của thời đại đồ đồng thau ở Việt Nam*, Hà Nội, (1963).
- [50]. Lévy P. *Recherches préhistoriques dans la region de Mlu Prei*, Publication de l'EFEO, 30, Paris, (1943).
- [51]. Linehan W. *A Neolithic link between North Pahang, Malaya, and the Sino-Malayan border* – APAS, 2, (1968).
- [52]. Loofs-Wissowa H.H.E. *Tiền sử và sơ sử Đông Nam Á*, KCH, 1:73-77, (1981).
- [53]. Malleret L, *L'Archéologie du Delta du Mekong – I-IV*. Publication de l'EFEO, Paris, (1959-1963).
- [54]. Mansuy H. *Stations préhistoriques de Samrong Sen et de Long Prao (Cambodge)*, F.H.Schneider, Hanoi, (1902). *Contribution à l'étude de la préhistoire de l'Indochine, III. Résultats de nouvelles recherches effectuées dans le gisement préhistorique de Samrong Sen (Cambodge)*, Mémoires du Service Géologique de l'Indochine (MSGI), 10(1): 5-24, (1923). *Contribution à l'étude de la préhistoire de l'Indochine, V. Nouvelles découvertes dans les cavernes du massif calcaire de Bac Son, Tonkin* – MSGI, 12 (1), (1925). *La préhistoire en Indochine*, Exposition coloniale internationale. Paris, (1931).
- [55]. Movius H.L. *The Lower Palaeolithic Archaeology in Southern Asia and the Far East* – ed. W.W.Howells, (1949)
- [56]. Mukhlinov A.I. *Những đặc trưng tộc người của văn hóa đồ Đồng Đông Sơn (Việt Nam)*, Lịch sử các tộc người Châu Á (chữ Nga), Moscow, (1972), *Khởi nguồn và những giai đoạn sớm của lịch sử tộc người Việt Nam (chữ Nga)*, Moscow, (1977).
- [57]. Murowchick R.E. *The development of early bronze metallurgy in Vietnam and Kampuchia: a reexamination of recent work*, The Conference on the origin of metals and alloys under the auspices of Bijing University of Iron and Steel Technology, (1986).

- [58]. Ngô Thế Phong, *Giai đoạn Đá mới-sơ kỳ Kim khí ở Việt Nam và Đông Nam Á*; LATS. Hà Nội, (1996).
- [59]. Nitta E. Bronze drums of pre-Heger I type unearthed in Yunnan, North Vietnam and Thailand –Shiroku, 18:29-38, (1985).
- [60]. Patte E. L'Indochine préhistorique – Revue Anthropologique, 46 (7-9): 277-314, (1936).
- [61]. Pavie A. ed. Mission Pavie Indo-Chine 1879-1895 – Etudes Diverses III. Recherches sur L'Histoire Naturelle de l'Indochine Orientale. Ernest Leroux, Paris, (1904).
- [62]. Phạm Đức Dương, *Việt Nam – Đông Nam Á – Châu Á, dấu ấn ngày xưa và những quan hệ ngày nay*, Những vấn đề lịch sử văn hóa Đông Nam Á, về lịch sử Đông Nam Á hiện đại, Hà Nội, 29-51, (1983).
- [63]. Phạm Đức Mạnh, *Những di tích khảo cổ học nguyên thủy ở miền Đông Nam Bộ (Việt Nam) trong hai Thiên kỷ II – I BC.* (chữ Nga), Ph.D. thesis, Leningrad, (1991). *Tiền sử Đông Nam Bộ (Việt Nam)-một thế kỷ khám phá và thành quả* – NCLS, 6:12-20. (1994). *Giao lưu và hội tụ-thành tổ của bản sắc văn hóa cổ ở Việt Nam trong thời đại kim khí* – KCH, 4:17-27. *The Bung Bac Archaeological Site, Southern Vietnam* – JSAA, 17:60-71, (1997). *Some recent Discoveries about the Pre- and Proto-History of the Southeastern Part of Vietnam* - South Asian Archaeology 1998: 139-148. *Centre for Southeast Asian Studies*, University of Hull, (2000).
- [64]. Phạm Huy Thông, *Việt Nam ở Đông Nam Á* – KCH, 4:1-6.1990. cb. Dong Son Drums in Vietnam, Hà Nội, (1980).
- [65]. Smith R.B., Watson W. eds. *Early South East Asia*, Oxford University Press, New York – Kuala Lumpur: Oxford University Press, (1979).
- [66]. Solheim W.G. Southeast Asia – AP, 9. 1967. *Southeast Asia and the West – Science*, 157:896-902, (1966). *Reworking Southeast Asian Prehistory* – Paideuma, 15:125-139, (1969). Northern Thailand, Southeast Asia and World Prehistory – AP, 13:145-162. Honolulu, (1970). *New light on a forgotten past* – National Geographic Magazine, 139 (3): 330-339, (1971). *An Early Agricultural Revolution* – Scientific American, 226(4):34-41, (1972). *The “new look” of Southeast Asian Prehistory* – JSS, 60 (1): 1-20, (1972). *The Nusantara Hypothesis: The origin and spread of Austronesian speakers* – AP, 25(1):77-88, (1988).
- [67]. Sprensen P. *The Ongbah cave and its fifth drums* – ESEA, (1979).
- [68]. Taylor K. *The Birth of Vietnam* – University of California Press, Berkeley – Los Angeles, (1983)

- [69]. Tchekoboksar V N.N. – Kabo V.R. *Các dân tộc Đông Nam Á (chữ Nga)*, Moscow, (1966).
- [70]. Trần Quốc Vượng, *Mấy hằng số cùng sự thăng trầm của lịch sử Đông Nam Á thời xưa – HNKHDNAI*, Hà Nội, (1978). *Những di tích thời tiền sử và sơ sử ở Quảng Nam Đà Nẵng*, Đà Nẵng, (1985). *Văn hóa Hòa Bình, văn hóa thung lũng – KCH*, 2: 1-6. 1994, (1986). *Truyền thống văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á và Đông Á – Nghiên cứu Đông Nam Á*, 4:67-71. *Biển với người Việt cổ*, Hà Nội, (1996).
- [71]. Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, *Lịch sử chế độ cộng sản nguyên thủy ở Việt Nam*, Hà Nội, (1960).
- [72]. Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Diệp Đình Hoa, *Cơ sở Khảo cổ học*, Hà Nội, (1975)
- [73]. Tweedie W.M.F. *The Stone Age in Malaya – JMBRAS*, 26 (2):1-90. 1957. Prehistoric Malaya, Raffles Museum. Singapore, (1953).
- [74]. Watson W. *Cultural frontiers in ancient East Asia*. Edinburgh, (1971)
- [75]. Westenenk L.C. *De Hindoe-Javanen in Midden-en Zuid-Sumatra – Handelingen van het Eerste Congres voor de Taal-, Land-en Volkenkunde van Java*, Solo, December 1919, Weltevreden, 1-39, (1921)